

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **149/2019/HC-PT**
Ngày 09 tháng 9 năm 2019

V/v khiếu kiện quyết định thu hồi đất;
quyết định phê duyệt phương án
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và
quyết định giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự
Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 127/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi đất; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1032/2019/QĐPT-HC ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn S và bà **Nguyễn Thị Thanh N**

Cùng địa chỉ: 124/2 Đường H, tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh N: Ông Nguyễn S, là người cùng khởi kiện (Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 12/7/2018 tại UBND xã D1, huyện D).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D: Ông Nguyễn Hữu H1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (Văn bản ủy quyền số 378/UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện D).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D: Ông Võ Thành N1, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Ông Nguyễn Phùng A, Phó Trưởng phòng Phòng Giá đất bồi thường và tái định cư, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị Trang T; 3.2. Anh Nguyễn Nghiêm N2; 3.3. Chị Nguyễn Thị Nghiêm T1

Cùng địa chỉ: 124/2 Đường H, tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh N2, chị T1: Ông Nguyễn S, là người khởi kiện vụ án (Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2018 và 31/8/2018)

3.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn MP.

Địa chỉ: 71A đường Y, thành phố N3, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn MP: Ông Trần Văn Ph, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MP.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N (Là người khởi kiện vụ án).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Hữu H1, ông Võ Thành N1 có mặt; ông Nguyễn Phùng A, ông Trần Văn Phong, chị T, anh N2, chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 15/5/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/6/2018, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Hộ gia đình ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N là chủ sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23, diện tích 612,7 m² được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AM 287343, số vào sổ cấp GCN: H02353 ngày 27/10/2008 (thửa số 40, tờ bản đồ số 7 trích đo mới năm 2010). Thửa đất này bị ảnh hưởng bởi các quyết định điều chỉnh quy hoạch từ đường thẳng sang đường cong thuộc Dự án kè và đường ven kè (đường số 1) dọc C1, thị trấn D, huyện D (sau đây viết tắt là Dự án). Từ năm 2011 đến nay, gia đình ông bà liên tục khiếu nại về việc điều chỉnh quy hoạch từ đường

thẳng sang đường cong nhưng không được cơ quan nào kết luận giải quyết.

Ngày 15/7/2011, UBND huyện D ban hành Quyết định số 978/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N để thực hiện Dự án;

Ngày 22/7/2011, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1084/QĐ-UBND về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N có đất bị thu hồi để thực hiện Dự án;

Không đồng ý các quyết định trên, vợ chồng ông S có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện D và Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 30/11/2016, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 482/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu với nội dung: Bác toàn bộ đơn khiếu nại của ông S bà N.

Ngày 11/7/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1982/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 với nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn S; công nhận Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện D là đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu Tòa án hủy 04 Quyết định nêu trên vì: Quy hoạch điều chỉnh Dự án không đúng như thực tế; Dự án có mục đích kinh doanh nhưng khi thu hồi đất lại áp giá bồi thường để làm đường là không đúng; diện tích đất tái định cư không tương xứng diện tích đất bị thu hồi và không đủ để gia đình làm nhà sinh sống.

2. Ý kiến của người bị kiện:

2.1. Tại Văn bản trình bày ý kiến và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện D, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày:

Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 09/02/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu đô thị mới Nam C1, thị trấn D, huyện D, trong đó có tuyến Kè và đường số 1 dọc C1 và sông S1 so với quy hoạch 1/2000 (đoạn đường thẳng), việc điều chỉnh quy hoạch theo đường cong đem lại lợi ích chung cho xã hội do có ít nhà dân bị ảnh hưởng, số hộ dân phải bố trí tái định cư ít, tạo mỹ quan đô thị, không gây mất trật tự an toàn giao thông, nút giao tại vị trí đoạn đường cong này cũng đã được Bộ Giao thông vận tải thẩm định an toàn giao thông và chấp nhận.

Về việc khiếu nại thu hồi đất và giá đất bồi thường: Lô đất ông S bà N khiếu nại thuộc thửa số 40, tờ bản đồ địa chính số 7 - theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty TNHH dịch vụ địa chính Thanh Lâm lập năm 2010 phục vụ Dự án. Gia đình ông S được UBND huyện D cấp GCNQSD đất ngày 27/10/2008 với diện tích 612,7 m² (trong đó, đất ở là 180 m² và đất trồng cây lâu năm là 432,7 m²) tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23 thị trấn D, huyện D.

Căn cứ theo giá đất được ban hành theo Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa, thửa đất của hộ ông S bà N được áp giá theo cung đường (đường H điểm đầu ngã ba C2 điểm cuối giáp ranh xã D2

quán HD và DĐ, thửa đất được xác định thuộc vị trí 2 có giá 1.152.000 đ/m²). Như vậy, việc áp giá đền bù cho ông S bà N là đúng theo quy định pháp luật.

Tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa quy định: “... *sử dụng đất để xây dựng các công trình công cộng không nhằm mục đích kinh doanh*” và “*sử dụng đất để thực hiện các dự án khu dân cư, bao gồm dự án hạ tầng khu dân cư và dự án nhà ở*” thì Dự án do UBND huyện D làm chủ đầu tư là dự án công trình công cộng không nhằm mục đích kinh doanh, dự án Khu đô thị mới Nam C1 là dự án khu dân cư.

UBND huyện D ban hành Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 về việc thu hồi đất của ông S và bà N và Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông S bà N có đất bị thu hồi để thực hiện Dự án là đúng quy định pháp luật.

Về việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại: Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N là đúng thẩm quyền và đúng pháp luật.

Vì vậy, UBND và Chủ tịch UBND huyện D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N.

2.2. Tại văn bản số 7539/UBND ngày 24/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa, Biên bản đối thoại và quá trình tố tụng, người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

- Về quá trình triển khai dự án:

Ngày 29/5/2009, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Thông báo số 175/TB-UBND về việc chấp thuận chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Nam C1, thị trấn D, huyện D.

Ngày 11/8/2009, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Công văn số 4102/UBND về chủ trương cho phép điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 dự án Khu đô thị mới Nam C1, thị trấn D, huyện D.

Ngày 01/9/2009, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 2083/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị mới Nam C1 thị trấn D, huyện D.

Ngày 09/02/2010, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 448/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị mới Nam C1 thị trấn D, huyện D.

Ngày 22/12/2010, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 3331/QĐ-UBND về việc cho phép đầu tư dự án khu đô thị mới Nam C1 thị trấn D, huyện D.

Ngày 25/01/2011, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 294/QĐ-UBND về việc cho phép tiến hành chuẩn bị đầu tư dự án Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1, huyện D.

- Về việc sử dụng đất, thu hồi đất, giải quyết bồi thường đối với hộ ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N: Thống nhất như ý kiến của UBND huyện D.

- Về khiếu nại và giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn S:

Không đồng ý Quyết định số 482/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn S có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa.

Ông S yêu cầu áp giá thị trường để bồi thường cho gia đình ông vì đây là dự án tư nhân nên giá thỏa thuận với dân là không có cơ sở giải quyết, vì: Căn cứ Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về giá đất tỉnh Khánh Hòa năm 2011 thì thửa đất của hộ ông S và bà N được áp giá theo cung đường (Đường H điểm đầu ngã ba C2 điểm cuối giáp ranh xã D2 quán HD và DĐ, thửa đất được xác định thuộc vị trí 2 có giá 1.152.000 đ/m²). Như vậy, việc áp giá đền bù cho ông S bà N là đúng theo quy định pháp luật.

Theo điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thì dự án Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1 là dự án công trình công cộng không nhằm mục đích kinh doanh, UBND huyện D làm chủ đầu tư (Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa), dự án Khu đô thị mới Nam C1 là dự án khu dân cư. Do đó, việc UBND huyện đền bù cho hộ ông Nguyễn S và bà N theo giá Nhà nước quy định là đúng quy định pháp luật.

Việc ông Nguyễn S khiếu nại về đường cong bất thường như đường kè số 01 theo quy hoạch ban đầu là thẳng nhưng hiện tại đường bị cong và bị nắn đường khác so với thiết kế ban đầu: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị mới Nam C1 thị trấn D trong đó có tuyến đường Kè và đường số 1 dọc C1 và sông S1 được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 09/02/2010. Trên phương diện tổng thể lợi ích chung của xã hội, Quy hoạch chi tiết 1/500 có ít nhà dân bị ảnh hưởng hơn, bố trí đất tái định cư cho các hộ dân ít hơn, tiết kiệm hơn so với Quy hoạch 1/2000 (đoạn đường thẳng) và là nút giao thông của các con đường, cụ thể như sau:

+ Quy hoạch 1/2000 (đường 22m): Số hộ bị ảnh hưởng là 28 hộ, số nhà bị giải tỏa trắng là 17 nhà (trong đó số nhà giải tỏa trắng mặt tiền QL1A là 07 nhà, số nhà sau QL1A là 10 nhà), diện tích đất giải tỏa là 3.867,14 m² (không có giải tỏa đất nhà nước). Phải bố trí đất tái định cư là 17 hộ.

+ Quy hoạch 1/500 (đường 24m): Số hộ bị ảnh hưởng là 26 hộ, số nhà bị giải tỏa trắng là 10 nhà (trong đó số nhà giải tỏa trắng mặt tiền Quốc lộ 1A là 03 nhà, số nhà sau Quốc lộ 1A là 07 nhà), diện tích đất giải tỏa là 4.539,3m² (có giải tỏa đất nhà nước). Phải bố trí tái định cư là 10 hộ.

+ Quy hoạch chi tiết 1/500, đoạn đường cong này bám sát bờ kè sẽ tạo mỹ quan đô thị, không gây mất trật tự an toàn giao thông, nút giao tại vị trí đoạn đường cong này cũng đã được Bộ Giao thông vận tải thẩm định an toàn giao thông

và chấp nhận đầu nối tại văn bản số 8519/BGTVT-KCHT ngày 14/7/2014 về việc đầu nối đường số 1 và đường số 12 vào Quốc lộ 1 tại Km 1455+520 đoạn qua thị trấn D, tỉnh Khánh Hòa.

Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn S với nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn S; công nhận Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện D là đúng pháp luật. Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bác yêu cầu khởi kiện của ông S và bà N.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. *Tại các bản tự khai, các anh chị Nguyễn Thị Trang T, Nguyễn Nghiê N2, Nguyễn Thị Nghiê T1 trình bày:* Các anh chị là con của ông S bà N đồng ý với ý kiến của ông S và xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

3.2. *Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MP trình bày:* Công ty TNHH MP là chủ đầu tư Dự án, chịu trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho toàn bộ Dự án để khấu trừ vào tiền sử dụng đất và tiền thuê đất. Việc chi trả tiền bồi thường cho hộ ông S, bà N được thực hiện theo quyết định của UBND huyện D, đến nay chưa thực hiện được vì ông S bà N không thực hiện các quyết định của UBND huyện D.

4. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 21/11/2018, Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 38, 39, 42 và khoản 4 Điều 56 của Luật Đất đai năm 2003.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 của UBND huyện D về việc thu hồi đất của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N để thực hiện dự án: Kè và đường ven (đường số 1);

- Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 của Chủ tịch UBND huyện D về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N có đất bị thu hồi để thực hiện dự án: Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1 - huyện D, địa điểm: Thị trấn D, huyện D;

- Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại Dự án: Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1 - huyện D;

- Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn S.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ

thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Kháng cáo:

Ngày 27/11/2018, người khởi kiện là ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không đối thoại, thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho các bên đương sự trình bày hết ý kiến, tranh luận và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Xét thấy việc triển khai các dự án khu đô thị Nam C1 cũng như xây dựng tuyến kè số 1 là một trong những chủ trương, chính sách của tỉnh Khánh Hòa trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao tiềm năng du lịch của địa phương. Do vậy, việc xây dựng và lựa chọn các phương án, kế hoạch sao cho phù hợp, kinh tế nhất và có lợi cho nhân dân, đồng thời giảm thiểu chi phí cho ngân sách Nhà nước là trách nhiệm của cơ quan chức năng tỉnh Khánh Hòa. Ông S, bà N cho rằng việc giải tỏa, thu hồi đất để thực hiện các dự án nói trên hay việc thực hiện tuyến đường thẳng thay vì đường cong mới phù hợp là ý kiến chủ quan cá nhân, ông S và bà N không có quyền can thiệp. Xét cả quá trình diễn biến vụ việc, các quyết định của UBND huyện D cũng như của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành đối với việc thu hồi, bồi thường về đất cho hộ ông S bà N là đúng quy trình và đúng theo quy định của pháp luật nên yêu cầu hủy các Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 của UBND huyện D về việc thu hồi đất; Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 của UBND huyện D về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định giải quyết khiếu nại số 482/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện D và Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đối với hộ ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Thanh N là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 09/02/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu đô thị mới Nam C1: Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2018, ông S bà N đã yêu cầu Tòa án hủy các quyết định liên quan đến việc đền bù giải tỏa của gia đình ông bà trong đó có Quyết định 448 nói trên. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh hòa đã có thông báo số 86/2018/TB-HC ngày 22/5/2018 gửi ông S bà N yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện xác định lại yêu cầu khởi kiện đối với quyết định này vì cho

rằng quyết định 448 không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên người khởi kiện không có quyền khởi kiện. Tuy nhiên, tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện vụ án hành chính ngày 10/10/2018 (BL.135) cũng như tại phiên tòa diễn ra ngày 16/11/2018 (BL.179-180), Biên bản phiên tòa thể hiện việc ông S bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho rằng Quyết định 448 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính nên không xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông S bà N đối với Quyết định này. Như vậy, đáng lẽ Tòa án khi xét thấy yêu cầu khởi kiện này không thuộc thẩm quyền giải quyết nhưng người khởi kiện vẫn không rút yêu cầu khởi kiện thì phải ra quyết định đình chỉ đối với yêu cầu đó; tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa chỉ nhận định không thuộc thẩm quyền nên không xem xét đối với yêu cầu này là vi phạm điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, việc vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm nêu trên không ảnh hưởng đến bản chất vụ án nhưng cần kiến nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét kiến nghị với Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa rút kinh nghiệm về nội dung này.

Đối với yêu cầu xem xét phương án bồi thường của UBND huyện D trong việc thu hồi toàn bộ diện tích đất và nhà ở của ông S bà N: Căn cứ vào Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa, UBND huyện D đã lập phương án bồi thường và tiến hành bồi thường đúng theo quy định hiện hành (Có trích lục chi tiết các khoản bồi thường tại BL.11). Vì dự án này là dự án công cộng, không có mục đích kinh doanh nên không thể áp giá thị trường trong việc bồi thường đất theo yêu cầu của ông S bà N là đúng. Đối với yêu cầu bồi thường về đất, tại Quyết định 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 của UBND huyện D đã thu hồi diện tích 612,7 m² đất của ông S bà N (trong đó đất ở 180 m²; cây lâu năm 432,7 m²) là đã căn cứ vào tình hình quỹ đất của địa phương để tiến hành cấp đất tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất, trong đó có hộ của ông S bà N. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp của gia đình ông S bà N không thuộc trường hợp được cấp thêm đất tái định cư. Tuy nhiên, do gia đình ông S bà N là hộ có nhiều nhân khẩu (05 người), các con đã lớn, gia đình thuộc diện khó khăn nên việc chỉ được cấp đền bù diện tích đất tối thiểu như Quyết định bồi thường sẽ gây khó khăn trong việc ổn định cuộc sống tại nơi ở mới. Vì vậy, đề nghị HĐXX kiến nghị với UBND huyện D xem xét hỗ trợ cho hộ gia đình ông S bà N thêm 01 lô đất để bảo đảm cuộc sống.

Vì các lẽ trên, đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn S bà Nguyễn Thị Thanh N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về nội dung yêu cầu hủy Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 09/02/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa “Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Nam C1 thị trấn D, huyện D” (sau đây viết tắt là Quyết định số 448/QĐ-UBND):

[1.1] Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018, ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N đã yêu cầu Tòa án hủy các quyết định liên quan đến việc thu hồi đất; phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; các quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N và Quyết định số 448/QĐ-UBND. Sau khi nhận Thông báo số 86/2018/TB-HC ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 05/6/2018 ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N giao nộp “Đơn khởi kiện vụ án hành chính” yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 của UBND huyện D về việc thu hồi đất; Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 của UBND huyện D về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai của ông Nguyễn S; không có yêu cầu gì đối với Quyết định số 448/QĐ-UBND. Tuy nhiên, ngày 10/10/2018 ông S bà N tiếp tục nộp “Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện” yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 09/02/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa, vì cho rằng tại các quyết định bị kiện nêu trên đều viện dẫn Quyết định số 448/QĐ-UBND. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S bà N vẫn yêu cầu Tòa án xem xét Quyết định số 448/QĐ-UBND vì nhà đất ông bà trước đây không nằm trong dự án, sau khi UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành quyết định này thì dự án bị thay đổi, nắn đường thẳng thành đường cong nên gia đình ông bà mới bị thu hồi đất. Tại Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định Quyết định số 448/QĐ-UBND không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính nên Tòa án không xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông S bà N đối với quyết định này.

[1.2] Ngày 27/11/2018, ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không nêu cụ thể nội dung, lý do kháng cáo. Tại “Đơn yêu cầu hoãn phiên tòa và ý kiến về nội dung kháng cáo” đề ngày 11/6/2019, bản “Ý kiến về nội dung kháng cáo” và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N tiếp tục cho rằng: UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 448/QĐ-UBND không có nội dung nào điều chỉnh diện tích đất của gia đình ông bà, nhưng sau khi có quyết định này đã nắn từ con đường thẳng thành đường cong qua vị trí nhà đất của ông bà và UBND huyện D căn cứ vào Quyết định số 448/QĐ-UBND để ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường cho gia đình ông bà đều trái pháp luật. Nhận định tại Bản án sơ thẩm về Quyết định số 448/QĐ-UBND không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính nên Tòa án không xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông bà đối với Quyết định này là vận dụng không đúng pháp luật, vì tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính không có nội dung nào quy định như vậy.

[1.3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 06/5/2004, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 1084/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/2000 khu dân cư bên bờ Nam C1 thị trấn D, là dự án nhằm thực hiện chủ trương, chính sách của tỉnh Khánh Hòa trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Trong quá trình triển khai dự án, ngày 11/8/2009 UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Công văn số 4102/UBND thông nhất chủ trương: “*Không lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 đã phê duyệt mà cho phép chủ đầu tư tiến hành thực hiện việc điều chỉnh trong bước lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500...*” của dự án Khu đô thị mới Nam C1. Căn cứ vào kết quả thẩm định đồ án quy hoạch tại Công văn số 357/SXD-KTQH ngày 09/02/2010 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 448 QĐ-UBND ngày 09/02/2010 “Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu đô thị mới Nam C1, thị trấn D, huyện D” và ngày 25/01/2011 UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 294 QĐ-UBND cho phép UBND huyện D thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1, huyện D. Như vậy, việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 (*quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 là quy hoạch chung xây dựng đô thị*) và việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 (*là cụ thể hóa việc triển khai quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000*) đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại các Điều 25, 26, 27 của Luật Đất đai năm 2003 và Điều 20, 26 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; đồng thời, việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 là trên cơ sở được cơ quan chuyên môn là Sở Xây dựng thẩm định và đã được xác định là bảo đảm lợi ích chung cho xã hội, tạo mỹ quan đô thị, không gây mất an toàn giao thông (Nút giao tại vị trí đường cong này đã được Bộ Giao thông vận tải thẩm định an toàn giao thông và chấp thuận tại Văn bản số 8519/BGTVT-KCHT ngày 14/7/2014); việc ông S bà N cho rằng UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép điều chỉnh quy hoạch nắn đường thẳng thành đường cong là trái pháp luật, không phù hợp với nguyên tắc khoa học quy hoạch, có dấu hiệu tạo điều kiện cho chủ đầu tư trục lợi chỉ là ý kiến chủ quan cá nhân; không có cơ sở pháp lý và khoa học được thẩm định. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính thì Quyết định số 448 QĐ-UBND là quyết định mang tính chất tổng thể, không phải là quyết định cá biệt làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền và lợi ích hợp pháp của ông S bà N (tại phiên tòa, ông S bà N cũng xác định tại Quyết định số 448 QĐ-UBND không có nội dung nào điều chỉnh diện tích đất của ông bà) nên quyết định này không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, ông S bà N không có quyền khởi kiện đối với quyết định này. Tuy nhiên, Quyết định số 448 QĐ-UBND có liên quan đến các quyết định hành chính bị khởi kiện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 3 Điều 191, khoản 3 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án có trách nhiệm phải xem xét tính hợp pháp của văn bản hành chính có liên quan. Lẽ ra, trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm phải giải thích cho ông S bà N các quy định của pháp luật nêu trên để ông S bà N rút yêu cầu hoặc không khởi kiện đối với Quyết định số

448/QĐ-UBND. Trường hợp ông S bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu thì phải căn cứ các quy định của pháp luật nêu trên để quyết định đình chỉ đối với yêu cầu đó, nhưng lại căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính, nhận định yêu cầu không thuộc thẩm quyền của Tòa án để không xem xét đối với yêu cầu này là không đúng quy định của pháp luật. Tuy vậy, xét việc áp dụng không đúng pháp luật trong trường hợp này không làm thay đổi kết quả giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm nhưng yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm phải rút kinh nghiệm.

[2] Xét nội dung ông S bà N cho rằng dự án Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1, huyện D là dự án nhằm mục đích kinh doanh, không nhằm mục đích vì lợi ích công cộng và nhà đất của gia đình ông S bà N không nằm trong phạm vi ảnh hưởng bởi dự án thì thấy: Trên cơ sở nội dung các quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tại mục [1.3] nêu trên và nội dung Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc cho phép UBND huyện D chuẩn bị đầu tư dự án Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1, huyện D, giao cho UBND huyện D làm chủ đầu tư thì có đủ căn cứ xác định: Dự án Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1, huyện D là dự án công trình công cộng, không nhằm mục đích kinh doanh. Khi triển khai dự án, toàn bộ thửa đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 23 thị trấn D, có diện tích 612,7 m²) nằm trong phạm vi dự án bị giải tỏa để thực hiện dự án nêu trên. Do đó, tại Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011, UBND huyện D đã quyết định thu hồi 612,7 m² đất của hộ ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N để thực hiện Dự án kè và đường ven kè (đường số 1) thị trấn D là đúng quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 39 của Luật Đất đai năm 2003 về trường hợp thu hồi đất: “Nhà nước sử dụng đất vào mục đích ... lợi ích công cộng, ...” và điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Quá trình triển khai dự án, ông S bà N cũng đã thực hiện việc kiểm đếm, được nhận quyết định phê duyệt phương án bồi thường, được nhận thông báo tham gia bốc thăm nhận lô đất tái định cư nhưng ông S bà N chưa nhận không phải do lỗi của nhà nước. Do đó, nội dung ông S bà N cho rằng dự án nhằm mục đích kinh doanh, không nhằm mục đích vì lợi ích công cộng và nhà đất của gia đình ông S bà N không nằm trong phạm vi ảnh hưởng bởi dự án là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 của UBND huyện D về việc thu hồi đất của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N để thực hiện dự án: Kè và đường ven (đường số 1); Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 của UBND huyện D về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N thì thấy:

[3.1] Tại phiên tòa, ông S bà N yêu cầu Tòa án hủy quyết định thu hồi đất của gia đình ông bà; trường hợp bắt buộc phải giao đất thì phải bồi thường cho gia

đình ông bà theo giá đất thu hồi vào mục đích kinh doanh, cụ thể khoảng 3,5 đến 4 tỷ đồng.

[3.2] Theo kết quả phân tích tại mục [1] và [2] nêu trên thì việc Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn S bà Nguyễn Thị Thanh N thuộc trường hợp “sử dụng vào mục đích công cộng”. Do đó, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP; các Điều 14, 19, 21, 24 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 1 Điều 9 Quyết định số 101/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Giá đất để tính bồi thường và chi phí đầu tư vào đất còn lại được thực hiện theo quy định tại Điều 56 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP của Chính phủ: *“Giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định và công bố; không bồi thường theo giá đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng; trường hợp tại thời điểm có quyết định thu hồi đất mà giá này chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giá đất cụ thể cho phù hợp”* và Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên, tại Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/7/2011, UBND huyện D đã quyết định giao cho hộ ông S bà N 01 lô đất tái định cư theo giá Nhà nước và bồi thường, hỗ trợ tái định cư tổng số tiền 730.968.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Như vậy, ý kiến của ông S bà N cho rằng UBND huyện D bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ của ông bà không đúng vì dự án có mục đích kinh doanh và yêu cầu hủy Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 của UBND huyện D về việc thu hồi đất; Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 của UBND huyện D về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N; cũng như việc ông S bà N yêu cầu nếu không hủy quyết định thu hồi đất thì phải bồi thường theo giá đất thu hồi vào mục đích kinh doanh tại mục [3.1] nêu trên là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung gia đình ông S bà N có nhiều nhân khẩu (05 người), các con đã lớn, gia đình thuộc diện khó khăn nên việc chỉ được cấp đền bù diện tích đất tối thiểu như quyết định bồi thường sẽ gây khó khăn trong việc ổn định cuộc sống tại nơi ở mới nên đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị với UBND huyện D xem xét hỗ trợ cho hộ gia đình ông S bà N thêm 01 lô đất để bảo đảm cuộc sống. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì gia đình ông S bà N không thuộc trường hợp được cấp thêm đất tái định cư và kiến nghị này không thuộc phạm vi xét xử; do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên nêu trên Hội đồng xét xử đề nghị UBND huyện D xem xét.

[4] Về yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại: Theo kết quả phân tích tại mục [2] và [3] nêu trên thì việc UBND huyện D ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông S bà N là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định số 482/QĐ-UBND

ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện D và Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết khiếu nại đối với ông S bà N với nội dung bác đơn khiếu nại của ông S, bà N là có căn cứ nên yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại của ông S bà N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Căn cứ vào các kết quả phân tích nêu trên và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông S, bà N kháng cáo bản án sơ thẩm; có xuất trình một số tài liệu, chứng cứ nhưng các chứng cứ, tài liệu này không có giá trị chứng minh cho các nội dung kháng cáo là có căn cứ và hợp pháp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 36/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào các Điều 38, 39, 42 và khoản 4 Điều 56 của Luật Đất đai năm 2003; các Nghị định của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai năm 2003 và các Quyết định của UBND tỉnh Khánh Hòa về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 và khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 của UBND huyện D về việc thu hồi đất của ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N để thực hiện dự án: Kè và đường ven kè (đường số 1);

- Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/7/2011 của UBND huyện D về phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N có đất bị thu hồi để thực hiện dự án: Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1 - huyện D, địa điểm: Thị trấn D, huyện D;

- Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết đơn khiếu nại Dự án: Kè và tuyến đường số 1 dọc C1 và sông S1 - huyện D;

- Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn S.

2. **Án phí hành chính sơ thẩm:** Ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000591 ngày 21/6/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông S và bà N đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. **Án phí hành chính phúc thẩm:** Ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000747 ngày 18/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông S và bà N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/9/2019.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền